

Số: 1202 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia



giai tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 - Nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về kết quả giám sát việc triển khai và tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 1904-TB/VPTU ngày 12/12/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đối với dự thảo Báo cáo năm 2023 và Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của Tỉnh ủy;

Thực hiện Thông báo số 3815/TB-BNN-VPĐP ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 1916/TTr-SNN ngày 28 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021 – 2025”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định:

1. Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2025.

2. Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh kế hoạch thị xã Trảng Bàng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

3. Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh kế hoạch xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025 và bố trí kinh phí đầu tư xây dựng trường học.

4. Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh kế hoạch huyện Bến Cầu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Y tế; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐP XDNTM Trung ương;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH tỉnh;
- LĐVP, PKT;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 20 / 6 / 2024 của UBND tỉnh)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025 gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới (NTM) nâng cao, NTM kiểu mẫu.

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới.

Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2021 - 2025: có 26 xã đạt chuẩn NTM (trong đó có 02 xã biên giới); 24 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao (trong đó có 05 xã biên giới); 04 xã đạt NTM kiểu mẫu; phấn đấu có 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; tiếp tục xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu đối với các xã, đơn vị cấp huyện đã được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành NTM; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

Lũy kế từ khi bắt đầu thực hiện Chương trình (giai đoạn 2011 - 2025): có 71/71 xã đạt chuẩn NTM (100% số xã, trong đó có 20 xã biên giới), trong đó, có 25/71 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao (trong đó có 05 xã biên giới); 04/71 xã đạt NTM kiểu mẫu. Có 04 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Chi tiết Phụ lục I kèm theo.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi thực hiện: các xã, các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.
2. Đối tượng thụ hưởng: người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.
3. Đối tượng thực hiện: hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và toàn xã hội, trong đó chủ thể là người dân trên địa bàn nông thôn.
4. Thời gian thực hiện: đến hết năm 2025.

III. CÁC NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Nội dung thành phần số 01: nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá

a) Mục tiêu

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 1 thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM.

- Đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, có ít nhất 35,2% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

b) Nội dung

- Nội dung 01: tổ chức rà soát, lập, điều chỉnh và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn; từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn.

- Nội dung 02: tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (03 vùng theo quy hoạch của tỉnh) gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Nội dung 03: xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, tạo điều kiện thực hiện Chương trình gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn nội dung 01, 02.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, hướng dẫn nội dung 03.

2. Nội dung thành phần số 02: phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng

a) Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về trường học, tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng nông thôn, tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 15 về y tế, tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về giáo dục, tiêu chí số 6 về văn hóa, tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, tiêu chí số 8

về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 17 về môi trường, tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng, chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục, tiêu chí số 6 về kinh tế, tiêu chí số 7 về môi trường, tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM giai đoạn 2021-2025.

b) Nội dung cụ thể

- Nội dung 01: tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện, đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông theo Bộ tiêu chí xã NTM, trong đó có 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

- Nội dung 02: hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí xã NTM; trong đó, có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

- Nội dung 03: cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan, đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, trong đó có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

- Nội dung 04: tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, trong đó có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về giáo dục thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

- Nội dung 05: xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa - thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn, đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, trong đó có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục theo Bộ tiêu chí huyện NTM.

- Nội dung 06: đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; các chợ trung tâm, chợ đầu mối, trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp, đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, trong đó có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

- Nội dung 07: tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, cơ sở hạ tầng các cụm làng nghề, ngành nghề nông thôn. Đến năm 2025, có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

- Nội dung 08: tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện, đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

+ Cấp huyện: có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

- Nội dung 09: phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn (theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ); tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, ưu tiên phát triển, nâng cấp các đài truyền thanh xã có cụm loa hoạt động đến ấp và tăng cường phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện; phát triển và duy trì các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính. Đến năm 2025: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông thuộc Bộ tiêu chí xã NTM; có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Nội dung 10: xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định, đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí xã NTM; có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: có 16% số huyện đạt tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

- Nội dung 11: tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; thu hút các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý chất thải tập trung quy mô liên huyện, liên tỉnh; đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện), ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp; trong đó có phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn, đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí xã NTM; có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: có 16% số huyện đạt tiêu chí số 7 về môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Giao thông Vận tải chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung: 02; 10 và nội dung đầu tư xây dựng các trung tâm kỹ thuật nông nghiệp thuộc nội dung số 6.

- Sở Công Thương, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nội dung 07.

- Sở Công Thương chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung: 03; 06 (trừ nội dung đầu tư xây dựng các trung tâm kỹ thuật nông nghiệp).

- Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện nội dung 04.

- Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện nội dung 05.

- Sở Y tế hướng dẫn thực hiện nội dung 08.

- Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện nội dung 09.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 11.

3. Nội dung thành phần số 03: tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững

a) Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 12 về lao động, tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM; tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 12 về lao động, tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao; tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

- Đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập; tiêu chí số 12 về lao động; tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM; có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập; tiêu chí số 12 về lao động; tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

b) Nội dung

- Nội dung 01: tập trung triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội.

- Nội dung 02: xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Nội dung 03: tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách đầu tư bảo vệ, phát triển rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Nội dung 04: triển khai Chương trình OCOP gắn với lợi thế vùng; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

- Nội dung 05: nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất; trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp.

- Nội dung 06: nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hoá hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Nội dung 07: tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Nội dung 08: thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị.

- Nội dung 09: tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Nông nghiệp và PTNT: chủ trì và hướng dẫn thực hiện các nội dung 01, 02, 03, 04, 07; 08; chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương thực hiện nội dung số 06 (trừ nội dung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường); chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện nội dung 07; chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện nội dung 08.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất; trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị thuộc nội dung 05.

- Sở Công Thương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường thuộc nội dung 06.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung về đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc nội dung 09 (trừ nội dung hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì việc xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc nội dung 05; hỗ trợ xây dựng các chương trình, mô hình khởi nghiệp, sáng tạo thuộc nội dung 09.

4. Nội dung thành phần số 04: giảm nghèo bền vững, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số

a) Mục tiêu

Đạt yêu cầu của tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư và tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí xã NTM; tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư và tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao. Đến năm 2025: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, trong đó có ít nhất 35,2% xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

b) Nội dung

- Nội dung 01: thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Nội dung 02: triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì và hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và các chính sách an sinh xã hội thuộc nội dung số 01.

- Văn phòng UBND tỉnh chủ trì và hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, thuộc nội dung số 01.

- Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 02.

5. Nội dung thành phần số 05: nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

a) Mục tiêu

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 5 về trường học; tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo thuộc Bộ tiêu chí xã NTM. Đến năm 2025: có 100% xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học và tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo; tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí xã NTM. Đến năm 2025: có 100% xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo; tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về giáo dục; tiêu chí số 14 về y tế trong Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao. Đến năm 2025: có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về giáo dục; tiêu chí số 14 về y tế thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM. Đến năm 2025, có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

b) Nội dung

- Nội dung 1: tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn, trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi.

- Nội dung 02: tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện

sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

- Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

6. Nội dung thành phần số 06: nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn

a) Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã NTM. Đến năm 2025, có 100% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 16 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 35,2% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

b) Nội dung

- Nội dung 01: nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

- Nội dung 02: tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01, 02.

7. Nội dung thành phần số 07: nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn

a) Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí xã NTM. Đến năm 2025: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

- Đạt yêu cầu về tiêu chí số 17 về môi trường và tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 về môi trường và tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM. Đến năm 2025: có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về môi trường và tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

b) Nội dung

- Nội dung 01: xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh.

- Nội dung 02: thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở tỉnh; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa.

- Nội dung 03: đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên.

- Nội dung 04: cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng mới và mở rộng các cơ sở mai táng, hỏa táng phải phù hợp với các quy định và theo quy hoạch.

- Nội dung 05: giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Kế hoạch số 1556/KH-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu;

- Nội dung 06: tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình.

- Nội dung 07: triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01, 02; 03; nội dung giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn và tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu thuộc nội dung 05.

- Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 04.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02, 07; nội dung tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Kế hoạch số 1556/KH-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thuộc nội

dung 05; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thuộc nội dung 06.

- Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cải thiện vệ sinh hộ gia đình thuộc nội dung thành phần 06.

8. Nội dung thành phần số 08: đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

a) Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí xã NTM. Đến năm 2025: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông và tiêu chí số 18 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 15 về hành chính công, tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao. Đến năm 2025: có ít nhất 35,2% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 15 về hành chính công và tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công trong Bộ tiêu chí huyện NTM. Đến năm 2025, có 16% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

b) Nội dung

- Nội dung 01: triển khai đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM.

- Nội dung 02: tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh); gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.

- Nội dung 03: triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 - 2025.

- Nội dung 04: tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.

- Nội dung 05: nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

- Nội dung 06: tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Nội vụ chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung 01.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tư pháp hướng dẫn nội dung 02.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện nội dung 03.

- Sở Tư pháp chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung 04 và 05.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung 06.

9. Nội dung thành phần số 09: nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM

a) Mục tiêu

Đáp ứng yêu cầu tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí xã NTM. Đến năm 2025: có 100% số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

b) Nội dung

- Nội dung 01: tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM.

- Nội dung 02: triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

- Nội dung 03: triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2018 - 2025”.

- Nội dung 04: thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM.

- Nội dung số 05: vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”; thực hiện Đề án “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2018 - 2027” của tỉnh.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

- Hội Nông dân tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 03, 05.

- Tỉnh Đoàn Tây Ninh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 04.

10. Nội dung thành phần số 10: giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

a) Mục tiêu

- Đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 100% số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí xã NTM; có ít nhất 35,2% số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM. Đến năm 2025: có 16% số huyện đạt tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

b) Nội dung

- Nội dung 01: tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Nội dung 02: xây dựng lực lượng dân quân vũng mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vũng mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Công an tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

11. Nội dung thành phần số 11: tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua “Tây Ninh chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2021 - 2025

a) Mục tiêu

Đảm bảo 100% cán bộ chuyên trách xây dựng NTM các cấp, 100% cán bộ trong hệ thống chính trị tham gia chỉ đạo xây dựng NTM được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng NTM; triển khai sâu rộng Phong trào thi đua “Tây Ninh chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2021 - 2025 từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã.

b) Nội dung

- Nội dung 01: nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng.

- Nội dung 02: tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở.

- Nội dung 03: đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM.

- Nội dung 04: đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM.

- Nội dung 05: đẩy mạnh triển khai, thực hiện Phong trào thi đua “Tây Ninh chung sức xây dựng xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và đoàn thể thực hiện nội dung 01, 02, 03, 04.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung 05.

IV. DỰ KIẾN TỔNG MỨC VỐN VÀ CƠ CẤU NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tổng vốn huy động nguồn lực thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, dự kiến là **6.015.209** triệu đồng, cơ cấu cụ thể như sau:

1. Ngân sách nhà nước bố trí trực tiếp cho Chương trình là 4.410.086 triệu đồng (chiếm 73,3%), trong đó:

a) Vốn ngân sách trung ương: 572.862 triệu đồng (chiếm 9,5%), bao gồm:

- Vốn đầu tư phát triển: 444.080 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 128.782 triệu đồng.

b) Vốn ngân sách địa phương: 3.837.224 triệu đồng (chiếm 63,8%), bao gồm:

- Ngân sách tỉnh: 2.514.715 triệu đồng.

+ Vốn đầu tư phát triển: 2.502.000 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 12.715 triệu đồng.

- Ngân sách huyện: 1.322.509 triệu đồng.

2. Vốn lồng ghép: 850.456 triệu đồng (chiếm 14,1%), bao gồm:

- Vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh: 128.756 triệu đồng;

- Vốn thực hiện các dự án đầu tư công thực hiện trên địa bàn nông thôn: khoảng 721.700 triệu đồng.

3. Vốn doanh nghiệp: dự kiến khoảng 372.464 triệu đồng (chiếm 6,2%).

4. Huy động đóng góp của người dân và cộng đồng: dự kiến khoảng 382.203 triệu đồng (chiếm 6,4%).

Chi tiết Phụ lục II kèm theo.

Trong quá trình thực hiện, UBND tỉnh tiếp tục cân đối ngân sách tỉnh để ưu tiên hỗ trợ thêm cho Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và có giải pháp hợp lý mọi nguồn vốn hợp pháp để thực hiện.

V. CÁC CƠ CHẾ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Cơ chế thực hiện Chương trình

a) Cơ chế phân bổ các nguồn vốn thực hiện Chương trình

Trên cơ sở tổng mức vốn trung ương hỗ trợ cho tỉnh và nguồn vốn ngân sách tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

Các dự án thuộc Chương trình sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển phải được lập, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đầu tư theo quy định của luật đầu tư công và các văn bản pháp luật hiện hành.

b) Cơ chế hỗ trợ

- Hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện:

+ Rà soát, điều chỉnh lập mới quy hoạch cấp xã và vùng huyện; công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng NTM.

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo bố trí từ kinh phí của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để thực hiện).

- Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung sau:

+ Hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng; hệ thống thủy lợi nội đồng; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; trường học; trạm y tế xã; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao,

nhà văn hóa ấp; các công trình cấp nước sinh hoạt; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; hệ thống lưới điện nông thôn; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn; tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP; hỗ trợ đầu tư sửa chữa, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; các công trình xử lý môi trường cấp xã, thôn, cải tạo nghĩa trang, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát triển du lịch nông thôn; đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; các mô hình an ninh trật tự, hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn; nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM đã đạt chuẩn.

+ Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM: hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, Chương trình OCOP,...

+ Các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số: kinh phí của Chương trình chỉ hỗ trợ những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện.

- Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa khác (do người dân trực tiếp làm ra) khi mua trực tiếp của dân để sử dụng vào các dự án của Chương trình thì giá cả phải phù hợp mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

- Kinh phí chi quản lý Chương trình được trích tối đa 1,5% nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình để chỉ thực hiện các nhiệm vụ sau: kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình, tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình, công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, hội

thảo, tọa đàm, tập huấn của trung ương, tỉnh, huyện, tổ chức đi học tập kinh nghiệm và trang thiết bị văn phòng cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp; tổ chức khảo sát, thẩm tra, thẩm định thôn, xã, cấp huyện, cấp tỉnh đạt chuẩn NTM, hoàn thành xây dựng NTM. UBND cấp tỉnh phân bổ cụ thể kinh phí chi cho hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp, Tổ công tác và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp ở địa phương.

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình từ ngân sách phải quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước. Đối với các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động, để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

- Kinh phí duy tu, bảo dưỡng và vận hành các công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng: căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng ngân sách của từng xã để cân đối, bố trí ưu tiên kinh phí duy tu bảo dưỡng công trình sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chính quyền địa phương không quy định bắt buộc Nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để Nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. Cộng đồng và người dân trong xã bàn bạc mức tự nguyện đóng góp cụ thể cho từng dự án, đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua, phân đấu ở mức tốt nhất.

- Hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương được chính quyền địa phương xem xét, trả thù lao theo mức phù hợp với mức tiền lương chung của thị trường lao động tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Sở Tài chính (phụ trách vốn sự nghiệp), Sở Kế hoạch và Đầu tư (phụ trách vốn đầu tư phát triển) phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn và phân bổ kinh phí (bao gồm kinh phí hỗ trợ của ngân sách trung ương và nguồn của ngân sách địa phương) để thực hiện các dự án, nội dung công việc theo quy định.

c) Cơ chế đầu tư thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình

- Chủ đầu tư các dự án xây dựng NTM:

- + Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã: Ủy ban nhân dân xã là chủ đầu tư. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì UBND cấp huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- + Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng quy mô cấp huyện, liên xã: UBND cấp tỉnh lựa chọn chủ đầu tư đảm bảo có đủ năng lực, phù hợp với tính chất, quy mô, đối tượng, để thực hiện.

- Cơ chế đầu tư:

+ Đối với các dự án có quy mô nhỏ, thiết kế đơn giản thực hiện theo cơ chế đặc thù rút gọn theo quy định của Chính phủ.

+ Đối với các dự án khác thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

d) Cơ chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình: thực hiện theo cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 do Chính phủ ban hành và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Một số giải pháp trọng tâm thực hiện

a) Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua “Tây Ninh chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh giai đoạn 2021 - 2025” và “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

b) Triển khai, hướng dẫn các cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững.

c) Thực hiện hiệu quả 11 nội dung của Chương trình; 06 chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn và giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại trong xây dựng NTM (môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch nông thôn, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng NTM, phát triển du lịch nông thôn...).

d) Kiện toàn bộ máy tổ chức tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025, theo hướng kế thừa bộ máy đã được xây dựng giai đoạn 2016 - 2020; điều chỉnh bổ sung một số nhiệm vụ mới cho phù hợp với Chương trình giai đoạn 2021 - 2025.

đ) Huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định; căn cứ vào tình hình thực tế, UBND tỉnh tiếp tục cân đối ngân sách tỉnh để ưu tiên bổ sung cho Chương trình.

- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Ngân sách tỉnh bố trí trực tiếp cho Chương trình MTQG xây dựng NTM đã đạt và vượt so với tỷ lệ đối ứng của trung ương quy định cho tỉnh. Các huyện, thị xã, thành phố ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước được phân bổ đầu tư cho các xã khó khăn để góp phần thu hẹp khoảng cách xây dựng NTM giữa các vùng.

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn giai đoạn 2021-2025 để hỗ trợ các địa phương hoàn thành các mục tiêu xây dựng NTM.

- Thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế hỗ trợ các địa phương (huyện, xã) thực hiện xây dựng NTM; vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng NTM theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án, nội dung cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

- e) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành, có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

VI. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các sở, ngành

a) Sở Nông nghiệp và PTNT

- Là cơ quan thường trực Chương trình; có trách nhiệm quản lý và giám sát tổng thể về kết quả thực hiện xây dựng NTM của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình.

- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh cho các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Chương trình hàng năm; đề xuất bố trí kinh phí bảo đảm đáp ứng cơ bản công tác hoạt động của các sở, ngành và địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chủ trì nội dung thành phần thống nhất mục tiêu, chỉ tiêu phân đầu, nhiệm vụ cụ thể hàng năm, giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng kế hoạch thực hiện 06 Chương trình chuyên đề để hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể các nhiệm vụ được phân công làm cơ sở để hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo, UBND tỉnh.

- Hằng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan thành lập Đoàn học tập kinh nghiệm tại các địa phương ngoài tỉnh về công tác xây dựng nông thôn mới, phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thẩm định và tổng hợp dự kiến phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư phát triển) thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT, cân đối, ưu tiên bổ sung

nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh cho UBND cấp huyện triển khai thực hiện chương trình phù hợp với Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn liên quan và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

- Tham mưu điều chỉnh Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của điểm c, đ, khoản 1, Điều 10 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

c) Sở Tài chính

Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT về xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh (kinh phí sự nghiệp) cho các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Chương trình hàng năm, Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phân bổ kinh phí thực hiện theo đúng quy định Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và phù hợp với khả năng cân đối với ngân sách địa phương.

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép vốn của Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn các xã để phân đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt theo quy định quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác tại Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND và các quy định tại các văn bản khác có liên quan.

- Hướng dẫn các sở, ban ngành có liên quan, các địa phương triển khai các dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp đối tượng hỗ trợ và nội dung thực hiện với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

đ) Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi để phân đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt theo quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác tại Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND và các quy định tại các văn bản khác có liên quan.

- Hướng dẫn các sở, ban ngành có liên quan và các địa phương triển khai các dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp đối tượng hỗ trợ và nội dung thực hiện với Chương trình MTQG xây dựng NTM.

e) Sở Xây dựng

Tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn về cơ chế đặc thù trong quản lý dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp quy định tại Chương IV Nghị định số 27/2022/NĐ-CP bảo đảm theo quy định.

g) Các sở, ngành được phân công chủ trì nội dung thành phần thuộc Chương trình

- Xây dựng và đề xuất mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể thực hiện các nội dung thành phần 5 năm và hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp trong kế hoạch chung của Chương trình, trình UBND tỉnh xem xét, giao thực hiện theo quy định.
- Hướng dẫn các địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì; các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí NTM các cấp được phân công.
- Ưu tiên lồng ghép các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao để góp phần thực hiện các nội dung thành phần và các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí NTM các cấp được phân công.
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về cơ quan chủ trì Chương trình để tổng hợp.

h) Các sở, ngành tham gia thực hiện Chương trình

Có trách nhiệm lồng ghép các Chương trình trình mục tiêu, dự án của từng sở, ngành với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

i) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh

Kiểm tra, giám sát các ngân hàng thương mại trong việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, góp phần thực hiện Chương trình.

k) Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh

- Tập trung huy động nguồn lực, thực hiện hiệu quả tín dụng chính sách xã hội, đặc biệt ưu tiên hỗ trợ các hộ thuộc đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn các xã khó khăn nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sản xuất và sinh hoạt của người dân, góp phần xây dựng NTM;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế huy động vốn tín dụng của Chính phủ về chính sách tín dụng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

l) Các cơ quan thông tin truyền thông có trách nhiệm tuyên truyền phục vụ yêu cầu của Chương trình.

2. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Trên cơ sở Kế hoạch này, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hàng năm, bao gồm: kế hoạch thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thành phần của Chương trình; kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu, kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí huyện NTM.

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Hướng dẫn các xã tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ máy tham mưu, giúp việc các cấp thống nhất, đồng bộ theo quy định.

- Chủ động cân đối bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình theo quy định và có giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để đầu tư xây dựng NTM; ưu tiên hỗ trợ triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Tăng cường vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng NTM theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình.

- Tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể các nội dung được phân công, để hướng dẫn các địa phương thực hiện; chủ động, tích cực tham gia vào thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình theo phân công; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện Chương trình; tiếp tục thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “Tây Ninh chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa,”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh giai đoạn 2021 - 2025” và “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật./

Phụ lục I

KẾ HOẠCH PHÂN ĐẦU HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI; XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI, NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO, NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(Kèm theo Quyết định số 1202 / QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh)

TT	Huyện, xã	Lũy kế giai đoạn 2011-2025	Giai đoạn 2016-2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
					Năm 2021	Năm 2022	Giai đoạn 2023-2025	Trong đó			
								Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
A	CẤP HUYỆN	4	2	2		1	1		1		
I	Huyện đạt chuẩn NTM	1		1			1		1		
1	Huyện Bến Cầu	x		x			x		x		
II	Thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM	3	2	1		1					
1	Thành phố Tây Ninh	x	x								Hoàn thiện hồ sơ trong năm 2024 trình Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định
2	Thị xã Hòa Thành	x	x								

Huyện, xã	Lũy kế giai đoạn 2011-2025	Giai đoạn 2016-2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Giai đoạn 2023-2025	Trong đó			
							Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
Thị xã Trảng Bàng	x		x		x					Hoàn thiện hồ sơ trong năm 2024 trình Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định
CẤP XÃ										
Xã đạt chuẩn NTM	71	45	26	10	6	10	4	3	3	
Huyện Tân Biên	9	6	3	1	1	1	1			
Xã Thạnh Bình	x	x								
Xã Tân Lập (BG)	x	x								
Xã Tân Phong	x	x								
Xã Mỏ Công	x	x								
Xã Hòa Hiệp (BG)	x	x								
Xã Tân Bình (BG)	x	x								
Xã Trà Vong	x		x	x						
Xã Thạnh Tây	x		x		x					
Xã Thạnh Bắc	x		x			x	x			
Huyện Tân Châu	11	6	5	1	1	3	1	1	1	
Xã Thạnh Đông	x	x								
Xã Tân Hưng	x	x								
Xã Tân Hà (BG)	x	x								

TT	Huyện, xã	Lũy kế giai đoạn 2011-2025	Giai đoạn 2016-2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
					Năm 2021	Năm 2022	Giai đoạn 2023-2025	Trong đó			
								Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
2.4	Xã Suối Ngô (BG)	x	x								
2.5	Xã Tân Đông (BG)	x	x								
2.6	Xã Tân Hòa (BG)	x	x								
2.7	Xã Suối Dây	x		x	x						
2.8	Xã Tân Phú	x		x		x					
2.9	Xã Tân Hội	x		x			x	x			
2.10	Xã Tân Hiệp	x		x			x		x		
2.11	Xã Tân Thành	x		x			x			x	
3	Huyện Dương Minh Châu	10	5	5	1	1	3	1	1	1	
3.1	Xã Bến Củi	x	x								
3.2	Xã Chà Là	x	x								
3.3	Xã Phước Ninh	x	x								
3.4	Xã Cầu Khởi	x	x								
3.5	Xã Phan	x	x								
3.6	Xã Truong Mít	x		x	x						
3.7	Xã Lộc Ninh	x		x		x					
3.8	Xã Bàu Năng	x		x			x	x			
3.9	Xã Phước Minh	x		x			x		x		
3.10	Xã Suối Đá	x		x			x			x	
4	Huyện Châu Thành	14	7	7	2	2	3	1	1	1	
4.1	Xã Thanh Điền	x	x								
4.2	Xã An Bình	x	x								
4.3	Xã Thái Bình	x	x								
4.4	Xã Hòa Hội (BG)	x	x								
4.5	Xã Ninh Điền (BG)	x	x								

Huyện, xã	Lũy kế giai đoạn 2011-2025	Giai đoạn 2016-2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Giai đoạn 2023-2025	Trong đó			
							Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
Xã Phước Vinh (BG)	x	x								
Xã Hòa Thạnh (BG)	x	x								
Xã Thành Long (BG)	x		x	x						
Xã Biên Giới (BG)	x		x	x						
0 Xã Đồng Khởi	x		x		x					
1 Xã Trí Bình	x		x		x					
2 Xã Hảo Đước	x		x			x	x			
3 Xã Long Vĩnh	x		x			x		x		
4 Xã An Cơ	x		x			x			x	
5 Huyện Gò Dầu	8	6	2	2						
Xã Phước Trạch	x	x								
Xã Phước Đông	x	x								
Xã Bàu Đôn	x	x								
Xã Thanh Phước	x	x								
Xã Phước Thạnh	x	x								
Xã Thạnh Đức	x	x								
Xã Cẩm Giang	x		x	x						
Xã Hiệp Thạnh	x		x	x						
6 Huyện Bến Cầu	8	6	2	1	1					
Xã Long Khánh (BG)	x	x								
Xã Long Phước (BG)	x	x								
Xã Long Thuận (BG)	x	x								
Xã Long Chữ	x	x								
Xã Lợi Thuận (BG)	x	x								
Xã Tiên Thuận (BG)	x	x								

TT	Huyện, xã	Lũy kế giai đoạn 2011-2025	Giai đoạn 2016-2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
					Năm 2021	Năm 2022	Giai đoạn 2023-2025	Trong đó			
								Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
6.7	Xã An Thạnh	x		x	x						
6.8	Xã Long Giang	x		x		x					
7	Thị xã Trảng Bàng	4	2	2	2						
7.1	Xã Phước Chi (BG)	x	x								
7.2	Xã Hưng Thuận	x	x								
7.3	Xã Đôn Thuận	x		x	x						
7.4	Xã Phước Bình(BG)	x		x	x						
8	Thị xã Hòa Thành	4	4								
8.1	Xã Long Thành Nam	x	x								
8.2	Xã Trường Tây	x	x								
8.3	Xã Trường Đông	x	x								
8.4	Xã Trường Hòa	x	x								
9	Thành phố Tây Ninh	3	3								
9.1	Xã Bình Minh	x	x								
9.2	Xã Thạnh Tân	x	x								
9.3	Xã Tân Bình	x	x								
II	Xã đạt chuẩn NTM nâng cao	25	1	15	7	9	8	8			
1	Thành phố Tây Ninh	2		2		1	1	1			
1.1	Xã Bình Minh	x		x		x					
1.2	Xã Thạnh Tân	x		x			x	x			
2	Huyện Tân Biên	3		3	1	1	1	1			
2.1	Xã Thạnh Bình	x			x						
2.2	Xã Tân Lập (BG)	x				x					
2.3	Tân Phong	x					x	x			
3	Huyện Tân Châu	3		3	1	1	1	1			

Huyện, xã	Lũy kế giai đoạn 2011-2025	Giai đoạn 2016-2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Giai đoạn 2023-2025	Trong đó			
							Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
Xã Thạnh Đông	x			x						
Xã Tân Hưng	x				x					
Xã Tân Hà (BG)	x					x	x			
4 Huyện Dương Minh Châu	2		2		1	1	1			
Xã Chà Là	x				x					
Xã Phước Ninh	x					x	x			
5 Huyện Châu Thành	3		3	1	1	1	1			
Xã Thanh Điền	x			x						
Xã An Bình	x					x	x			
Xã Thái Bình	x				x					
6 Huyện Gò Dầu	3		3	1	1	1	1			
Xã Phước Đông	x				x					
Xã Bàu Đôn	x			x						
Xã Thanh Phước	x					x	x			
7 Huyện Bến Cầu	3		3	1	1	1	1			
Xã Long Khánh (BG)	x					x	x			
Xã Long Thuận (BG)	x			x						
Xã Long Chử	x				x					
8Thị xã Trảng Bàng	2		2		1	1	1			
Xã Phước Chỉ (BG)	x					x	x			
Xã Hưng Thuận	x				x					
9Thị xã Hòa Thành	4	1	3	2	1					
Xã Long Thành Nam	x			x						
Xã Trường Tây	x			x						
Xã Trường Hòa	x				x					

TT	Huyện, xã	Lũy kế giai đoạn 2011-2025	Giai đoạn 2016-2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
					Năm 2021	Năm 2022	Giai đoạn 2023-2025	Trong đó			
								Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
9.4	Xã Trường Đông	x	x								
III	Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	4		2		2	2	1	1		
1	Thành phố Tây Ninh	1		1			1		1		
1.1	Xã Bình Minh	x		x			x		x		
2	Huyện Châu Thành	1		1		1					
2.1	Xã Thanh Điền	x		x		x					
3	Huyện Gò Dầu	1		1		1					
3.1	Xã Bàu Đồn	x		x		x					
4	Thị xã Hòa Thành	1		1			1	1			
4.1	Xã Trường Đông	x		x			x	x			

Phụ lục II

**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH**

(Kèm theo Quyết định số 1202 / QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch huy động giai đoạn 2021-2025		Cơ cấu vốn (%)	Ghi chú
			Tổng vốn 2021-2023 phân bổ	Tổng vốn 2024 - 2025 dự kiến phân bổ		
	TỔNG	6.015.209	3.542.813	2.472.396	100	
I	Ngân sách nhà nước bố trí trực tiếp cho Chương trình	4.410.086	2.636.072	1.774.014	73,3	
1	Vốn Trung ương	572.862	284.449	288.413	9,5	
	Vốn đầu tư phát triển	444.080	210.870	233.210		
	Vốn sự nghiệp	128.782	73.579	55.203		
2	Vốn địa phương	3.837.224	2.351.623	1.485.601	63,8	
2.1	Vốn tỉnh	2.514.715	1.753.838	760.877	41,8	
	Vốn đầu tư phát triển	2.502.000	1.747.144	754.856		
	Vốn sự nghiệp	12.715	6.694	6.021		
2.2	Vốn huyện	1.322.509	597.785	724.724	22,0	
	Vốn đầu tư phát triển	1.322.509	597.785	724.724		
	Vốn sự nghiệp					

TT	Nội dung	Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch huy động giai đoạn 2021-2025		Cơ cấu vốn (%)	Ghi chú
			Tổng vốn 2021-2023 phân bổ	Tổng vốn 2024 - 2025 dự kiến phân bổ		
[	Vốn lồng ghép	850.456	415.074	435.382	14,1	
1	02 Chương trình MTQG	128.756	17.462	111.294		
2	Các dự án khác	721.700	397.612	324.088		
I	Vốn doanh nghiệp	372.464	262.464	110.000	6,2	
V	Vốn huy động của người dân và cộng đồng dân cư	382.203	229.203	153.000	6,4	

Phụ lục III
PHÂN KỲ ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ TỈNH ĐỐI ỨNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1202 / QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Huyện/thị xã/thành phố	Tổng giai đoạn 2021-2025	Tổng vốn 2021-2023 phân bổ			Tổng vốn 2024-2025 dự kiến phân bổ			Ghi chú
			Tổng	NSTW	NS TỈNH	Tổng	NSTW	NS TỈNH	
	Tổng	2.946.080	1.958.014	210.870	1.747.144	988.066	233.210	754.856	
1	Huyện Tân Biên	305.772	266.388	26.395	239.993	39.384		39.384	
	Xã đạt chuẩn	221.388	221.388	26.395	194.993				
	Xã đạt chuẩn nâng cao chất lượng tiêu chí	39.384				39.384		39.384	
	Xã nâng cao	45.000	45.000		45.000				
	Xã kiểu mẫu								
2	Huyện Tân Châu	492.229	264.820	27.465	237.355	227.409	85.919	141.490	
	Xã đạt chuẩn	408.307	220.281	27.465	192.816	188.026	85.919	102.106	
	Xã đạt chuẩn nâng cao chất lượng tiêu chí	39.384				39.384		39.384	
	Xã nâng cao	44.539	44.539		44.539				

Huyện/thị xã/thành phố	Tổng giai đoạn 2021-2025	Tổng vốn 2021-2023 phân bổ			Tổng vốn 2024-2025 dự kiến phân bổ			Ghi chú
Xã kiểu mẫu								
Huyện Dương Minh Châu	449.334	248.785	23.785	225.000	200.549	73.645	126.903	
Xã đạt chuẩn	379.950	218.785	23.785	195.000	161.165	73.645	87.520	
Xã đạt chuẩn nâng cao chất lượng tiêu chí	39.384				39.384		39.384	
Xã nâng cao	30.000	30.000		30.000				
Xã kiểu mẫu								
Huyện Châu Thành	663.791	443.551	55.091	388.460	220.240	73.645	146.595	
Xã đạt chuẩn	545.466	384.301	55.091	329.210	161.165	73.645	87.520	
Xã đạt chuẩn nâng cao chất lượng tiêu chí	59.075				59.075		59.075	
Xã nâng cao	45.000	45.000		45.000				
Xã kiểu mẫu	14.250	14.250		14.250				
Huyện Gò Dầu	278.663	229.433	25.155	204.278	49.230		49.230	
Xã đạt chuẩn	155.183	155.183	25.155	130.028				
Xã đạt chuẩn nâng cao chất lượng tiêu chí	49.230	0			49.230		49.230	

TT	Huyện/thị xã/thành phố	Tổng giai đoạn 2021-2025	Tổng vốn 2021-2023 phân bổ			Tổng vốn 2024-2025 dự kiến phân bổ			Ghi chú
	Xã nâng cao	45.000	45.000		45.000				
	Xã kiểu mẫu	14.250	14.250		14.250				
	Huyện đạt chuẩn NTM	15.000	15.000		15.000				
6	Huyện Bến Cầu	440.947	219.331	29.359	189.972	221.616		221.616	
	Xã đạt chuẩn	159.331	159.331	29.359	129.972				
	Xã đạt chuẩn nâng cao chất lượng tiêu chí	35.791				35.791		35.791	
	Xã nâng cao	45.000	45.000		45.000				
	Xã kiểu mẫu								
	Huyện đạt chuẩn NTM	200.825	15.000		15.000	185.825		185.825	
7	Thị xã Trảng Bàng	210.358	190.666	23.620	167.046	19.692		19.692	
	Xã đạt chuẩn	154.273	154.273	23.620	130.653				
	Xã đạt chuẩn nâng cao chất lượng tiêu chí	19.692				19.692		19.692	
	Xã nâng cao	30.000	30.000		30.000				
	Xã kiểu mẫu								
	Thị xã hoàn thành NTM	6.393	6.393		6.393				

Huyện/thị xã/thành phố	Tổng giai đoạn 2021-2025	Tổng vốn 2021-2023 phân bổ			Tổng vốn 2024-2025 dự kiến phân bổ			Ghi chú
Thị xã Hòa Thành	59.250	59.250		59.250				
Xã đạt chuẩn nâng cao chất lượng tiêu chí								
Xã nâng cao	45.000	45.000		45.000				
Xã kiểu mẫu	14.250	14.250		14.250				
Thành phố Tây Ninh	45.736	35.790		35.790	9.946		9.946	
Xã đạt chuẩn nâng cao chất lượng tiêu chí	9.946				9.946		9.946	
Xã nâng cao	35.790	35.790		35.790				
Xã kiểu mẫu								

Phụ lục IV
CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN LỒNG GHÉP VỚI CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TỪ NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 20 / 6 /2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Dự án	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	721.700	
I	THỦY LỢI	287.200	Vốn đầu tư phát triển theo Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023-Nguồn ngân sách địa phương (Biểu 10.a).
1	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Lộc Ninh, huyện DMC - HM: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 02 kênh tiêu T12A, T12-17	3.800	
2	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Phước Ninh, xã Phước Minh huyện DMC - HM: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 03 kênh tiêu T0-2, T0-3, A4	3.500	
3	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Truong Mít, huyện DMC - HM: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 02 kênh tiêu T12-13, T12-16	3.200	
4	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Tân Phong, xã Mỏ Công, huyện Tân Biên - HM: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 02 kênh tiêu T1, T3	2.200	
5	Dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Bàu Đôn, huyện Gò Dầu - HM: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 03 kênh tiêu T4B, T4 B0, T4-B3	4.900	
6	Kênh tiêu Tân Phú - Tân Hưng	5.200	

T	Dự án	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Thạnh Đông, Thạnh Tân, Tp Tây Ninh	6.900	Vốn đầu tư phát triển theo Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023-Nguồn ngân sách địa phương (Biểu 10.e).
	Mở rộng khu vực cấp nước xã Tân Hòa	11.700	
	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Đông Tiến, Tân Đông, Tân Châu	13.000	
I	HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN; HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA; HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ	105.000	Vốn đầu tư phát triển theo Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023-Nguồn ngân sách địa phương (Biểu 10.o).
	Hỗ trợ cho các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018	30.000	
	Hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo QĐ số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020	50.000	
	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP	25.000	
7	VĂN HÓA	73.300	
	Phục dựng hiện trạng Căn cứ xứ ủy Nam Bộ (X40 Đồng Rùm) và một số công trình mới	18.000	Vốn đầu tư phát triển theo Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023-Nguồn ngân sách địa phương (Biểu 6).
	DTLS Căn cứ Dương Minh Châu, xã Phước Ninh, huyện DMC	20.000	
	Tu bổ, tôn tạo DTLS Chiến thắng Tua Hai - GD2	12.000	
	Địa điểm lưu niệm Trường Nội trú Hoàng Lê Kha	3.300	
	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện, sân vận động 5,000 chỗ ngồi có đường pic, có mái che, hồ bơi, khu vui chơi	13.000	
	Thành Bảo Long Giang	5.000	

STT	Dự án	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
7	Nhà bia tưởng niệm Liên đội 7 núi Bà Tây Ninh	2.000	
V	TRƯỜNG HỌC	30.300	Vốn đầu tư phát triển theo Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023-Nguồn ngân sách địa phương (Biểu số 3)
1	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi- Bầu Đồn - Gò Dầu	7.200	
2	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	15.600	
3	Trường THPT Tân Đông	4.400	
4	Trường THPT Tân Hưng	3.100	